



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2018

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM.
- Tên tiếng Anh : VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION.
- Tên viết tắt : VOSA CORPORATION.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300437898.
- Vốn điều lệ: 128.149.940.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 128.149.940.000 đồng.
- Địa chỉ: Lầu 5 Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84 - 28) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Số fax: (84 - 28) 54161823 – 54161824.
- Website: <http://www.vosa.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VSA

❖ Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam, nay là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, thành lập ngày 13/03/1957 theo Nghị định số 50/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện.
 - + Ngày 08/08/1989, Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam được đổi tên thành Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1436/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.
 - + Ngày 12/05/1993, Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) được thành lập lại theo Quyết định số 885/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, là doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 30/12/2005, Bộ Giao Thông Vận Tải ra Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT về việc “Phê duyệt phương án và chuyển Đại lý hàng hải Việt Nam, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần”.
 - + Ngày 31/03/2006, Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
 - + Ngày 14/06/2006, Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 20/10/2006, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 4103005432 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ 06 (ngày 13/12/2013), với mã số doanh nghiệp: 0300437898.
- Các sự kiện khác:
 - + Ngày 01/02/2007: Công ty TNHH NYK Line Việt Nam (liên doanh giữa NYK Line và VOSA) chính thức đi vào hoạt động.
 - + Ngày 13/03/2007: Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2007).

+ Ngày 30/06/2011: Công ty đã trình ĐHCĐ thường niên năm 2011 thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

+ Ngày 21/02/2012: Công ty đã tổ chức Lễ khai trương Kho chứa hàng Nông sản Bunge – Cái Lân và công bố Quyết định thành lập Trung tâm Logistics Cái Lân.

+ Ngày 13/03/2012: Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2012).

+ Ngày 10/09/2013: VOSA và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd., ký Hợp đồng liên doanh thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (YLTV). Công ty YLTV chính thức hoạt động từ 17/01/2014.

+ Ngày 31/03/2014: VOSA chuyển nhượng 50% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) cho đối tác Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.,

+ Ngày 01/10/2014: Công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3 “đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”.

+ Ngày 15/01/2015: Công ty được tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2014 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

+ Ngày 31/03/2015: VOSA chuyển nhượng 49% vốn điều lệ tại Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) cho đối tác NYK Line Nhật Bản.

+ Ngày 22/12/2015: cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã niêm yết là VSA và giá chào sàn là 37.000 đồng/cổ phiếu.



Hình ảnh: Lễ khai trương giao dịch cổ phiếu VSA tại sàn giao dịch HNX ngày 22/12/2015.

- + Ngày 25/05/2016: Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.
- + Ngày 04/07/2016: chấm dứt hợp đồng liên doanh giữa China Shipping Regional Holdings Pte, Ltd và Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam; và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam.
- + Ngày 12/09/2016: thông báo đấu giá toàn bộ vốn cổ phần của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam tại Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSALAND).
- + Ngày 02/12/2016: tại Tokyo (Nhật Bản), Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line - Nhật Bản) đã ký Hợp đồng thành lập Công ty liên doanh NYK AUTO LOGISTICS (Việt Nam).



Một số hình ảnh: Lễ ký kết Hợp đồng thành lập Công ty liên doanh NYK Auto Logistics (Việt Nam) ngày 02/12/2016 tại Tokyo (Nhật Bản).

- + Ngày 13/03/2017, VOSA tổ chức lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập công ty tại Khách sạn The Reverie Saigon (Times Square), số 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM. Lễ kỷ niệm có sự tham gia của các cấp lãnh đạo gồm Bộ Giao Thông Vận Tải, Tổng Công Ty Hàng Hải Việt Nam (VINALINES) cùng với đại diện lãnh đạo Cục Hàng Hải Việt Nam, các Cảng biển, các công ty, khách hàng và đối tác.



Một số hình ảnh: Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập VOSA (13/03/1957 – 13/03/2017).

+ Ngày 03/07/2017: đã tăng vốn Điều lệ lên 128.149.940.000 đồng do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 (10%).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Đại lý tàu biển. Đại lý, kiểm đếm hàng hóa. Môi giới và dịch vụ hàng hải. Dịch vụ logistics. Đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan).

+ Vận tải đa phương thức quốc tế.

+ Kinh doanh kho bãi.

- Địa bàn kinh doanh:

+ Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên toàn quốc, từ Móng Cái đến Cà Mau, trong đó địa bàn hoạt động kinh doanh chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh.

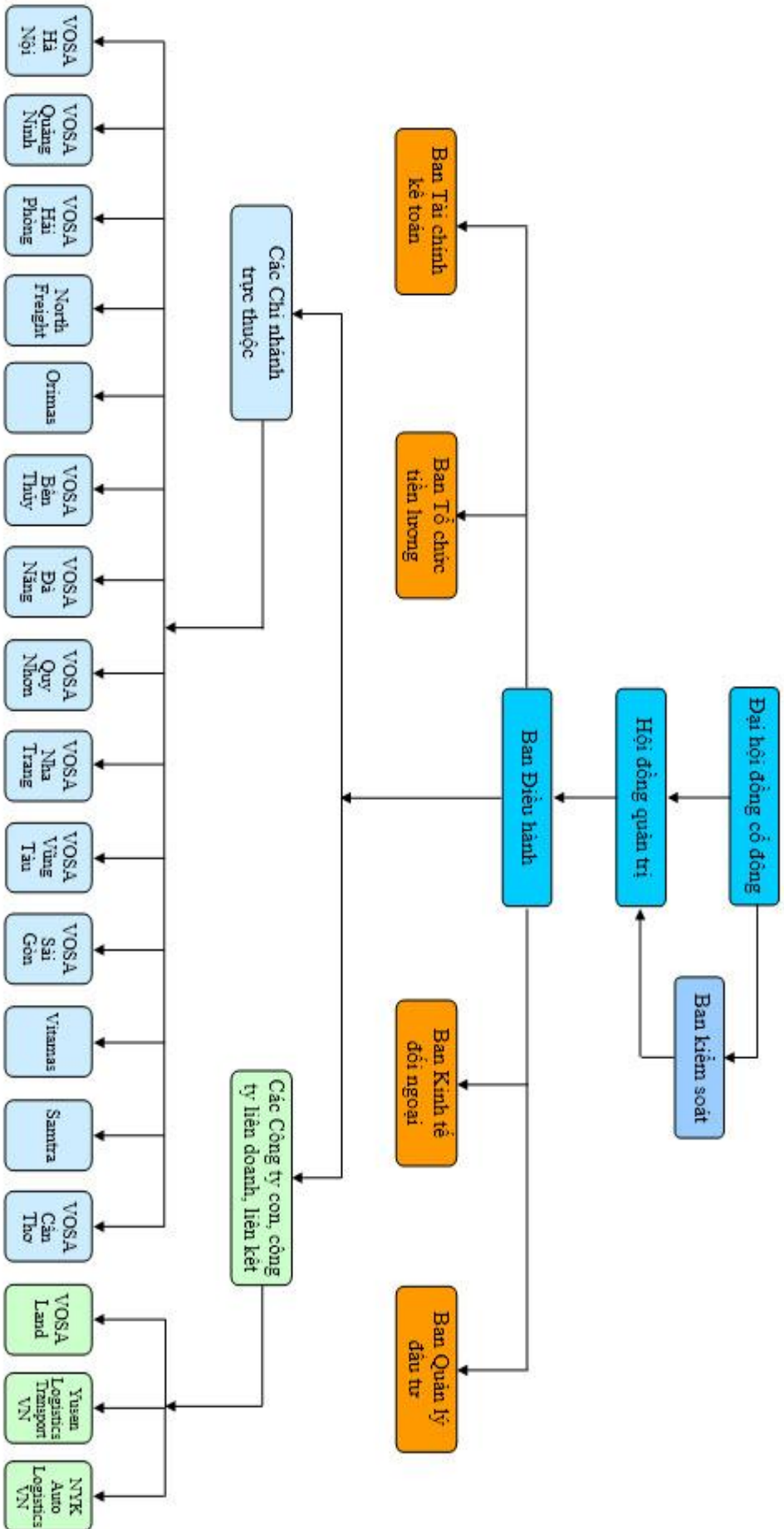
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các Ban chuyên môn nghiệp vụ, các Chi nhánh trực thuộc, các Văn phòng đại diện, các công ty con và các công ty VOSA góp vốn.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 19/05/2017.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA LAND)	Lầu 5, Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, Quận 7, TP.HCM	Công ty con	Kinh doanh bất động sản. Xây dựng nhà các loại	51.500.000.000	51,5
2	Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải đường bộ, đường thủy, kho bãi, xếp dỡ hàng hóa	51.000 USD	51
3	Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Toà nhà Saigon Riverside Center Phòng 604, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	200.000 USD	20

- Các Công ty có vốn góp:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics	4.000 USD	01
2	Công ty CP Vinalines Logistics	P.405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	Góp vốn	Dịch vụ logistics	50.000 cổ phiếu	0,35
3	Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank)	88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Tài chính, ngân hàng	913.390 cổ phiếu	0,11
4	Cảng LOTUS	1A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	Góp vốn	Khai thác cảng	23.705 USD	0,27
5	Công ty CP Thép Việt Nam	91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Sản xuất, kinh doanh thép	200.000 cổ phiếu	0,03

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Xây dựng Công ty thành một trong những công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, chuỗi dịch vụ logistics toàn diện với giá trị gia tăng cho khách hàng; thương mại xuất nhập khẩu; triển khai vận tải đa phương thức; mở rộng mạng lưới hoạt động sản xuất kinh doanh trên khắp các cảng và các vùng kinh tế trọng điểm trong nước, định hướng phát triển ra thị trường thế giới;

+ Gắn liền công tác sản xuất kinh doanh với ứng dụng công nghệ mới và quản trị tốt nhất các nguồn lực; đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động. Thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, sử dụng tốt và có hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu v.v... để tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông.

+ Phát triển nguồn nhân lực, nhất là phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng chung của đất nước.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện và các chương trình nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng v.v.

5. Các rủi ro:

Hoạt động trong lĩnh vực chính là dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung ứng, kiểm đếm hàng hóa và các dịch vụ đi kèm v.v.), dịch vụ logistics (đại lý vận tải, kho bãi và các dịch vụ liên quan) và thương mại xuất nhập khẩu tiểu ngạch, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) phụ thuộc rất lớn vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế (GDP) nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng. Bên cạnh đó, những biến động vĩ mô như lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... cũng tác động gián tiếp lên hoạt động kinh doanh của Công ty như mọi ngành nghề kinh doanh khác.

5.1. Rủi ro về kinh tế:

5.1.1. Rủi ro về tăng trưởng kinh tế:

** Tăng trưởng kinh tế và hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam:*

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2017 tăng trưởng rất ấn tượng với tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 6,81%, vượt mục tiêu 6,7% và cao nhất kể từ năm 2010 trở lại đây; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện ước đạt 17,5 tỉ đô la Mỹ, tăng 10,8%, gấp hơn hai lần so với mặt bằng chung toàn cầu; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa khoảng 213,8 tỉ đô la Mỹ, tăng tới 21,1% là mức cực kỳ ấn tượng so với tốc độ tăng trưởng xấp xỉ 4% của thương mại toàn cầu.

- Trong năm 2017, tổng trị giá xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt gần 425 tỷ USD, tăng 20,9% so với năm 2016; trong đó tổng trị giá xuất khẩu ước đạt 213,77 tỷ USD, tăng 21,1% và tổng trị giá nhập khẩu ước đạt 211,1 tỷ USD, tăng 20,8%. Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ logistics (đại lý vận tải và các dịch vụ liên quan), tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế nói chung và nhu cầu xuất nhập khẩu của Việt Nam nói riêng là nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả năm 2017 cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.

5.1.2. Lãi suất:

- Với hệ số nợ trên tổng tài sản là 0,42, lãi suất ngân hàng cũng có những ảnh hưởng nhất định đối với Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Tuy nhiên rủi ro này không quá lớn vì Công ty không có vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, do điều kiện thị trường

thuận lợi và chính sách duy trì lãi suất thấp để ổn định hoạt động sản xuất, hồi phục kinh tế của nhà nước, lãi suất tiếp tục được kì vọng không có sự thay đổi lớn trong ngắn hạn.

5.1.3. Tỷ giá hối đoái:

- Đối với VOSA - doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác và cung cấp dịch vụ hàng hải/ logistics cho các đối tác nước ngoài liên quan đến thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái cũng là một rủi ro thường xuyên. Tuy nhiên, vay nợ ngoại tệ của Công ty là không đáng kể, hệ số nợ trên tổng tài sản thấp 0,42 đây cũng là một lợi thế so với các doanh nghiệp cùng ngành.

5.2. Rủi ro về luật pháp:

- Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh đến hoạt động của Công ty, những thay đổi trong quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi chính sách của Nhà nước như: thay đổi chính sách về BHXH, tăng giá thuê đất, làm sụt giảm lợi nhuận khai thác kho bãi; Bên cạnh đó, ngành vận tải biển còn chịu ảnh hưởng từ những chính sách của Nhà nước cũng như định hướng phát triển của ngành hàng hải.

- Để hạn chế rủi ro về luật pháp, Công ty luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên và cổ đông của Công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù:

5.3.1. Rủi ro giá nguyên liệu, sử dụng nhà, đất:

- Do kinh doanh trong ngành nghề liên quan mật thiết tới ngành vận tải nói chung, nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ biến động giá nguyên liệu.

- Tuy nhiên, do Công ty có thuê nhiều đất đai, nhà cửa để sử dụng làm kho bãi, trụ sở, mà trong những năm gần đây giá thuê nhà, đất liên tục tăng cao, nên chi phí của doanh nghiệp bị tăng theo, lợi nhuận cũng bị giảm sút.

5.3.2. Rủi ro cạnh tranh:

- Đối với ngành vận tải, các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO hầu như đã được thực thi đầy đủ từ năm 2014, nên hiện nay các công ty dịch vụ vận tải lớn của nước ngoài có đủ điều kiện để hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực dịch vụ logistics, vì thế, sự cạnh tranh giữa các công ty cùng lĩnh vực này ngày càng trở nên gay gắt.

5.4. Rủi ro khác:

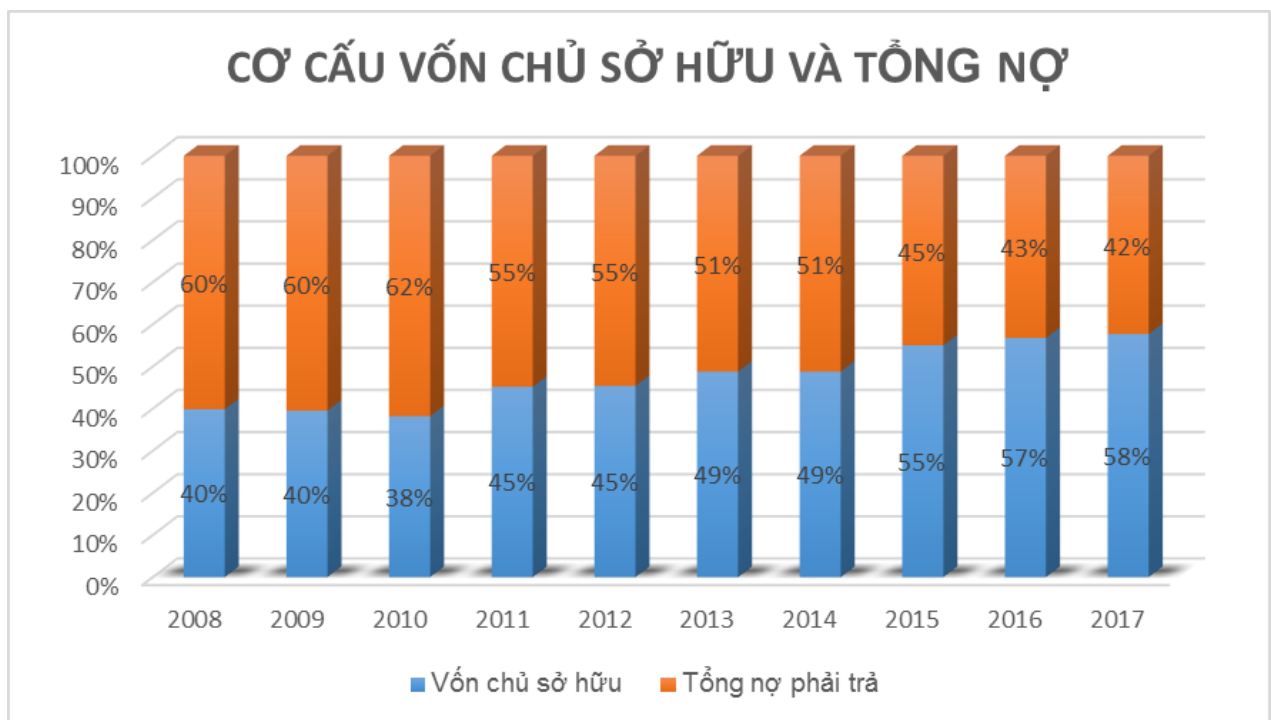
- Các rủi ro mang tính hệ thống khác như, chiến tranh, thiên tai, dịch họa, môi trường, những biến động chính trị xã hội trên thế giới... là những rủi ro tuy hiếm nhưng có thể xảy ra. Do vậy, nếu có, những rủi ro này ít nhiều sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người, thị trường kinh doanh của Công ty; qua đó, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa các thiệt hại, Công ty đã tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản có giá trị lớn.

Thông tin tài chính cơ bản (Hợp nhất đã kiểm toán):

	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Tăng trưởng (*)	CAGR (**)
Tổng doanh thu	474,726	526,392	568,609	691,702	610,090	804,350	843,121	863,667	863,511	864,551	1.82	7%
Lợi nhuận trước thuế	36,296	39,046	47,844	45,300	46,735	42,127	61,046	59,440	52,752	51,165	1.41	4%
Lợi nhuận sau thuế	32,922	30,152	34,247	35,849	38,742	35,399	51,038	49,228	44,724	44,174	1.34	3%
Tổng tài sản	473,374	452,558	512,622	461,358	483,674	486,318	647,875	613,558	619,003	645,592	1.36	4%
Vốn chủ sở hữu	188,539	178,839	195,769	208,335	219,530	237,154	316,051	337,608	351,365	372,554	1.98	8%
Tổng nợ phải trả	284,835	273,719	316,853	253,023	264,144	249,164	331,824	275,950	267,637	273,037	0.96	0%

(*) Tăng trưởng năm 2017 so với năm 2008 (số lần).

(**) Tăng trưởng bình quân hàng năm 2008 – 2017.



II. Tình hình hoạt động trong năm 2017:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2017, nền kinh tế toàn cầu tuy đã có dấu hiệu phục hồi nhưng chậm hơn dự báo và chưa có dấu hiệu khởi sắc, ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải cũng không ngoại lệ. Trong nước, ngành hàng hải và dịch vụ logistics tiếp tục mở cửa theo lộ trình cam kết WTO. Do sức cạnh tranh yếu của các doanh nghiệp dịch vụ logistics và các hãng tàu Việt Nam nên các công ty logistics và các hãng tàu lớn của nước ngoài nắm giữ thị phần chi phối, nên khi phát sinh thua lỗ do giá cước thấp và giá nhiên liệu tăng cao thì tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp Việt Nam làm dịch vụ liên quan.

- Kết quả SXKD năm 2017 (Hợp nhất):

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2016	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2016
Tổng doanh thu	850.000	897.381	913.632	105%	98%
Doanh thu kinh doanh	835.000	864.551	863.511	103 %	100 %
Lợi nhuận trước thuế	51.000	51.165	52.752	100 %	97 %

1.1. Về lĩnh vực đại lý tàu truyền thống:

- Sản lượng tàu: 2.854 tàu (trong đó 2.232 tàu hàng rời các loại và 622 tàu container) – tăng 15% so với năm 2016;

- Doanh thu: 60.871.607.491 đồng – tăng 9% so với năm 2016;

- Sản lượng tàu phục vụ tăng 15% chủ yếu tại các khu vực Hà Tĩnh (tăng 66% do lượng tàu phục vụ nhà máy thép Hưng Nghiệp tăng mạnh), Hải Phòng (tăng 57% do các tàu công trình phục vụ dự án cảng Lạch Huyện) và tại thành phố Hồ Chí Minh (tăng 12% - lượng tàu container do chi nhánh phục vụ tăng mạnh).

- Dịch vụ này ngày càng bị cạnh tranh khốc liệt khi ngày càng nhiều các đại lý nước ngoài, đại lý tư nhân tham gia vào thị trường. Đại lý nước ngoài có mối quan hệ mật thiết với các chủ tàu nước ngoài, đại lý tư nhân sẵn sàng hạ giá thấp để cạnh tranh và giành dịch vụ. Các chủ tàu, chủ hàng lớn đều ép giảm giá đại lý phí hoặc chỉ trả mức khoán chung rất thấp cho việc phục vụ đại lý.

- Trong năm qua, Ban lãnh đạo công ty và các chi nhánh đã tích cực chủ động làm việc với các khách hàng truyền thống, tăng cường sự hợp tác, đưa ra những chính sách linh động để phục vụ cho khách hàng nên các chủ tàu này đều tiếp tục ủng hộ và sử dụng dịch vụ của công ty.



Hình ảnh: Phục vụ tàu hàng rời tại cảng Qui Nhơn

1.2. Về dịch vụ đại lý liner:

- Sản lượng phục vụ: 247.979 Teus, trong đó 113.702 Teus hàng xuất – tăng 5% so với năm 2016 và 134.277 Teus hàng nhập – bằng 98% so với năm 2016; ngoài ra còn có 34.277 Teus hàng xuất và nhập rỗng;

- Doanh thu: 25.800.528.011 đồng – tăng 14% so với năm 2016.

- Hãng tàu Namsung Shipping tăng tuyến khai thác từ thành phố Hồ Chí Minh nên lượng hàng xuất từ khu vực này tăng lên đáng kể (tăng 20%) nên dù lượng hàng nhập sụt giảm mạnh (14%) do lượng thiết bị rỗng tồn tại khu vực cao nên hãng tàu phải cắt giảm hàng nhập về tạo cân bằng, doanh thu từ đại lý liner của Vitamas vẫn đạt mức tăng trưởng tốt. Tại khu vực Hải Phòng, số chuyến khai thác đến khu vực Hải Phòng giảm nên sản lượng tại khu vực Hải Phòng sụt giảm nhẹ.

- Hãng tàu Sinotrans gặp nhiều khó khăn, tuyến khai thác gặp nhiều cạnh tranh khi tất cả các hãng tàu lớn đều khai thác chung tuyến, giá cước và lịch tàu của hãng không thuận lợi, tuy nhiên với sự nỗ lực của bộ phận đại lý cho hãng tàu cùng với những chính sách linh hoạt từ hãng tàu nên sản lượng tại khu vực Hải Phòng tăng xấp xỉ 10% so cả về hàng xuất lẫn hàng nhập. Doanh thu từ bộ phận liner cho hãng tàu cũng tăng lên tương ứng.



Hình ảnh: Phục vụ tàu container cho hãng tàu Namsung Shipping.

1.3. Về dịch vụ đại lý vận tải:

- Doanh thu: 536.706.619.869 đồng – tăng gần 4% so với năm 2016.
- Năm 2017, mảng dịch vụ đại lý vận tải tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn khi hầu hết các chi nhánh của VOSA đều không có phương tiện vận tải, hoàn toàn phụ thuộc vào phương tiện thuê ngoài nên khó chủ động về giá cả, thu xếp phương tiện ... đối với khách hàng nên thường xuyên bị động trong các dịch vụ đại lý vận tải.
- Nhiều khách hàng lớn gặp khó khăn trong kinh doanh nên phải thu hẹp hoặc rời bỏ thị trường. Một số khách hàng lớn của công ty đã tự tổ chức vận tải bằng cách lập ra các công ty vận tải hoặc sử dụng các công ty vệ tinh của mình, chấm dứt dịch vụ với VOSA.
- Các khách hàng đều yêu cầu giảm giá dịch vụ trong khi chi phí thuê ngoài không giảm nên hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận từ dịch vụ này ngày càng bị thu hẹp.



Hình ảnh: Khai thác kho, bãi và đội vận tải NorthFreight tại Hải Phòng.

1.4. Về dịch vụ kiểm đếm hàng hóa:

- Doanh thu: 20.063.627.194 đồng – tăng 2,5% so với năm 2016.
- Dù đã nỗ lực mở rộng dịch vụ sang kiểm tra, giám sát đóng hàng, kiểm tra hàng hóa ... nhưng sản lượng phục vụ do các chi nhánh VITAMAS, ORIMAS và VOSA Sài Gòn thực hiện đều sụt giảm trong năm qua khi các khách hàng giảm sản lượng hoặc không còn sử dụng dịch vụ kéo theo doanh thu từ dịch vụ này giảm sút, chỉ trừ chi nhánh Orimas do giá dịch vụ được cải thiện hơn.
- Tại Hà Tĩnh, do lượng tàu làm đại lý của VOSA Bến Thủy tăng mạnh và có nhiều loại hàng sử dụng dịch vụ kiểm đếm nên doanh thu từ dịch vụ này của chi nhánh tăng trưởng khả quan.
- Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm đếm và mở rộng sang các dịch vụ gia tăng cho khách hàng để đảm bảo doanh thu.



Hình ảnh: Tác nghiệp kiểm đếm hàng hóa tại kho CFS – Northfreight Hải Phòng.

1.5. Về dịch vụ kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan:

- Doanh thu: 94.332.971.079 – tăng 3% so với năm 2016.
- Doanh thu từ dịch vụ kho bãi tăng 14% so với năm trước, tuy nhiên việc kinh doanh kho ngoại quan vẫn chưa thể phục hồi sau biến động lớn về nhân sự và kinh doanh từ giữa năm 2016.
- Trong năm qua, các thân chủ lớn sử dụng dịch vụ kho bãi của VOSA gặp nhiều khó khăn hoặc thay đổi chính sách kinh doanh nên lượng hàng hóa qua kho – bãi giảm mạnh.
- Tại khu vực Cái Lân, lượng hàng qua kho nông sản của Bunge giảm chỉ còn 15% so với cam kết và bằng 55% so với năm 2016 do ảnh hưởng biến động trong chăn nuôi gia súc nên lượng thức ăn gia súc nhập về sụt giảm mạnh.
- Tuy nhiên, để cung cấp dịch vụ kho cho các chủ hàng khác tại khu vực Cái Lân, công ty phải thuê thêm một số kho của các doanh nghiệp khác trong khu vực để phục vụ khách hàng nên doanh thu kho bãi có sự tăng trưởng tốt dù chi phí cao và biên độ lợi nhuận thấp.
- Tại khu vực Hải Phòng, sau khi hãng tàu NYK đã chuyển toàn bộ container rỗng và có hàng từ kho bãi của Northern Freight về trung tâm logistics của Yusen Logistics, cùng với việc thành phố xây cầu vượt gần khu vực kho và cấm đường đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc kinh doanh kho bãi.

- Tại Quy Nhơn, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã ra quyết định thu hồi kho bãi để phục vụ dự án công cộng nên các khách hàng đã phải tìm kho khác để thuê khiến cho hoạt động chỉ cầm chừng chờ bàn giao nên doanh thu kho bãi của chi nhánh giảm mạnh.



Một số hình ảnh: Khai thác kho, bãi VOSA Quảng Ninh tại Cái Lân.

1.6. Về dịch vụ xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất:

- Sau biến động về nhân sự từ giữa năm 2016, dù đã rất nỗ lực nhưng việc kinh doanh dịch vụ này chưa thể phục hồi sau khi mất toàn bộ khách hàng cùng lúc với việc thay đổi trong chính sách quản lý xuất nhập khẩu biên mậu của Trung Quốc khiến cho tiến độ giao nhận chậm, chi phí kinh doanh tăng.

- Đến cuối năm, dịch vụ này đã có những tiến triển nhất định, tìm được một số khách hàng nên đã tạm cân bằng thu chi cho bộ phận này.

1.7. Về dịch vụ cung cấp cho tàu:

- Doanh thu: 22.373.304.785 đồng – bằng 40% so với năm 2016.

- Hoạt động cung ứng dịch vụ cho tàu tiếp tục gặp nhiều khó khăn do tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, và các chủ tàu ít sử dụng dịch vụ cung ứng tại các cảng Việt Nam trừ khi thật cần thiết do chi phí cao dẫn đến sự sụt giảm về dịch vụ này tại các chi nhánh như VOSA Quảng Ninh, VOSA Sài Gòn.

- Dịch vụ này ngày càng có tính rủi ro cao trong khi nguồn vốn sử dụng quá lớn và bị cạnh tranh không lành mạnh hoặc bị một số đối tượng cản trở, gây khó khăn.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành và Ban Tài chính kế toán:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Vũ Xuân Trung	01/10/1959	PCT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ	16/06/2014	2.530	0.02
2	Hoàng Hoa Phòng	01/01/1958	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân ngoại ngữ	12/12/2016 (bổ nhiệm lại)	2.860	0.02
3	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân QTKD, Cử nhân ngoại ngữ	12/12/2016 (bổ nhiệm lại)	990	0.01
4	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTĐ, Cử nhân Luật	06/08/2012	1.320	0.01
5	Võ Trung Thắng	01/01/1977	Phó Ban Phụ trách Ban TCKT	Cử nhân Kế toán Kiểm toán	01/03/2016	550	0.01

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Trong năm 2017, Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương mới bên cạnh các quy chế đã được xây dựng và ban hành thực hiện như: Quy chế dân chủ, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi, nêu bật chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Công ty tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế để kiện toàn công tác quản lý và điều hành của công ty.

+ Tiếp tục kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty với các chi nhánh. Gắn kết các chi nhánh thành công ty mạnh, làm cơ sở vững chắc cho việc tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con cho những năm sau.

+ Xây dựng quy hoạch về cán bộ, đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho toàn công ty và từng chi nhánh giai đoạn từ năm 2017 - 2022. Tiếp tục tuyển dụng thêm những nhân viên mới có trình độ chuyên môn, bổ nhiệm những người có năng lực xứng đáng đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hóa cán bộ, có chế độ đãi ngộ tương xứng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cho đội ngũ CBCNV để doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh, năng động và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

+ Tăng cường tiết kiệm và giảm chi phí trong công tác. Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí quản lý, rà soát, tiết giảm các chi phí không hợp lý hoặc không thật sự cần thiết trong kinh doanh và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh chung toàn Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Đầu tư sản xuất kinh doanh:

3.2. Các dự án khác:

*** Dự án văn phòng Vitamas số 44 - 46, Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh:**

- Ngày 10/03/2016, Hội đồng quản trị đã đồng ý tạm dừng dự án Tòa nhà văn phòng VITAMAS do ảnh hưởng quy hoạch. Ban điều hành đã giao cho Vitamas liên hệ các đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, thiết kế, dự trù kinh phí sửa chữa cải tạo lại theo hiện trạng và xin phép sửa chữa.

- Sau khi đấu thầu rộng rãi trong nước, dự án sửa chữa văn phòng VITAMAS đã chọn được nhà thầu xây lắp và khởi công ngày 26/06/2017.

- Sau khi phá dỡ kết cấu cũ, Ban Quản lý thi công, Đơn vị thi công và Tư vấn giám sát phát hiện hiện trạng kết cấu nhà và thiết kế không phù hợp nên không thể tiếp tục thi công. Công ty đã thuê đơn vị Tư vấn thiết kế điều chỉnh lại thiết kế cho phù hợp với hiện trạng. Hiện nay việc điều chỉnh đã thống nhất được phương án và đang triển khai chi tiết. Dự án dự kiến khởi công lại vào tháng 04/2018.

*** Dự án Văn phòng VOSA Nha Trang:**

- Ngày 24/8/2015 Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam ban hành công văn số 259/ĐLHHVN của về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng văn phòng VOSA Nha Trang tại 6A Nguyễn Thị Định, Nha Trang.

- Ngày 28/10/2016 Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam ban hành Quyết định số 202/QĐ-TGD về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Văn phòng VOSA Nha Trang; Quy mô dự án: 1 bán hầm, 3 tầng lầu, sân thượng trên diện tích 80,4m², tổng mức đầu tư: 2.499.320.000 đồng.

- Sau khi đấu thầu rộng rãi trong nước, dự án Văn phòng VOSA Nha Trang đã chọn được nhà thầu xây lắp và khởi công ngày 27/06/2017.

- Dự án hiện nay đã hoàn thành 98%, VOSA Nha Trang đã bắt đầu làm việc tại văn phòng mới từ 15/01/2018. Đơn vị thi công đang hoàn thiện những công tác cuối cùng để nghiệm thu bàn giao trong tháng 04/2018.

*** Dự án mua nhà đất số 25 Điện Biên Phủ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng:**

- Trong tháng 09/2016, Công ty đã hoàn tất thanh toán tiền mua nhà và đất cho Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng số tiền 64,3 tỷ đồng bằng nguồn vốn tự có. Tháng 05/2017 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho khu nhà đất này.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

3.3.1 - Công ty Cổ phần Bất Động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSALAND):

- Tính đến 31/12/2015, VOSA đã thực hiện góp đủ 51,5 tỷ đồng vốn cổ phần và chiếm 51,5% vốn điều lệ VOSALAND.

- Tháng 09/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết thoái vốn toàn bộ cổ phần đang nắm giữ tại VOSALAND.

- Kết quả kinh doanh năm 2017 (đã kiểm toán) lỗ 882 triệu đồng, lỗ lũy kế 5,5 tỷ đồng.

- Hiện nay, Công ty đang làm các bước thủ tục để tiến hành thoái toàn bộ vốn.

3.3.2- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam) - YLTV:

- Liên doanh được thành lập từ ngày 01/04/2014, VOSA đã góp đủ 51% vốn liên doanh (51.000 USD). Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm.
- Tháng 03 hàng năm, VOSA đã nhận tiền nhượng quyền quản lý năm tài chính là 40.000 USD cố định.
- Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm.
- Lợi nhuận sau thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017 là 901 triệu đồng

3.3.3 - Công ty liên doanh NYK Auto Logistics (Việt Nam):

- Ngày 02/12/2016, tại Tokyo (Nhật Bản), Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line - Nhật Bản) đã ký Hợp đồng thành lập Công ty liên doanh NYK Auto Logistics (Việt Nam).
- Vốn Điều lệ của Công ty là 1.000.000 USD, trong đó cơ cấu vốn góp như sau:
 - + Công ty cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) góp 200.000USD (20%) tương đương 4,54 tỷ đồng.
 - + Hãng tàu Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK LINE) góp 800.000USD (80%).
- Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm.
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26/06/2017 và chính thức hoạt động.

3.3.4 Công ty TNHH China Shipping Việt Nam:

- Vốn điều lệ 500.000 USD, trong đó VOSA góp 40% vốn điều lệ.
- Sau khi chính thức sáp nhập với hãng tàu COSCO thì VOSA và đối tác liên doanh là China Shipping Holdings Pte Ltd., đã thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng liên doanh từ ngày 01/07/2016 và tiến hành giải thể Công ty TNHH China Shipping VN từ ngày 01/08/2016.
- Trong năm 2017, liên doanh đã hoàn tất thủ tục giải thể.

3.3.5 Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam:

- VOSA chỉ còn góp 1% (4.000 USD) vốn điều lệ trong liên doanh và VOSA được nhận một khoản lợi nhuận cố định (5.000 USD/năm) cho đến khi hợp đồng liên doanh hết thời hạn.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	645.592.089.056	619.003.284.861	+4,3%
Doanh thu thuần	864.551.723.402	863.511.317.762	+0,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.752.208.200	30.963.625.869	+44,5%
Lợi nhuận khác	6.413.211.819	21.789.359.615	-70,5%
Lợi nhuận trước thuế	51.165.420.019	52.752.985.484	-3,0%
Lợi nhuận sau thuế	44.174.208.885	44.268.936.398	-0,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	12%	25%	

(*) Tỷ lệ trả cổ tức năm 2016 là 25%, trong đó 15% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Tỷ lệ trả cổ năm 2017 dự kiến là 12% bằng tiền mặt.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,353	1,300	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,353	1,300	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,423	0,432	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,733	0,762	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	N/A	N/A	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,339	1,395	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,051	0,051	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,119	0,126	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,068	0,072	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,052	0,036	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2017):

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 12.814.994 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cp).
- + Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 12.814.994 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức (06 cổ đông)	7.145.000	55,76
2	Cổ đông cá nhân (688 cổ đông)	5.669.994	44,24
	Cộng 1 + 2	12.814.994	100,00
3	Cổ đông lớn (04 cổ đông)	9.016.701	70,37
4	Cổ đông nhỏ (690 cổ đông)	3.798.293	29,63
	Cộng 3 + 4	12.814.994	100,00
5	Cổ đông trong nước (687 cổ đông)	12.207.464	95,26
6	Cổ đông nước ngoài (07 cổ đông)	607.530	4,74
	Cộng 5 + 6	12.814.994	100,00
7	Cổ đông Nhà nước	6.542.580	51,05
8	Cổ đông khác	6.272.414	48,95
	Cộng 7 + 8	12.814.994	100,00
	694 cổ đông tổ chức và cá nhân	12.814.994	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

*** Kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ trong năm 2017:**

- Ngày 11/01/2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ, số lượng tối đa không quá 05%, để phát hành cổ phiếu theo chương trình ưu đãi cho CBCNV. Tuy nhiên, Công ty đã không mua được cổ phiếu quỹ do giá cổ phiếu không phù hợp.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:



6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu :

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nên sử dụng rất ít nguyên, nhiên vật liệu, chủ yếu sử dụng cho đội xe vận tải; năng lượng điện, nước chủ yếu chỉ sử dụng cho các kho bãi và các văn phòng làm việc.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường, nhất là các quy định về môi trường liên quan đến hoạt động kinh doanh kho bãi, đội xe vận tải ...

- Hàng năm, Công ty đều có các quy định, yêu cầu các chi nhánh và toàn thể CBCVN thực hành tiết kiệm, trong đó có tiết kiệm điện, nước và bảo vệ môi trường nơi làm việc.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 627 người.

- Cơ cấu phân bổ lao động:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo đối tượng lao động			
1	Người quản lý	Người	5	0,81
2	Lao động trực tiếp SXKD	Người	455	73,98
3	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	Người	91	14,79
4	Lao động thừa hành, phục vụ	Người	64	10,42
II	Phân theo trình độ lao động			
1	Đại học và sau đại học	Người	439	71,38
2	Cao đẳng và Trung cấp	Người	34	5,52
3	Khác	Người	142	23,10

+ Thu nhập bình quân năm 2017: 13.236.310 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Thỏa ước lao động tập thể. Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động tại Công ty được quan tâm thích đáng; Phong trào thi đua lao động giỏi, vận động người lao động có các cải tiến, sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh được người lao động hưởng ứng tích cực.

+ Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn cho toàn bộ người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia tập huấn tại các lớp học về chuyên môn nghiệp vụ như: quản trị công ty, kế toán, logistics,... để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về Luật thuế, BHXH, Luật Lao động ... và ngoại ngữ do các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

- Công ty tiếp tục có nhiều hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

- Công ty và toàn thể CBCNV tích cực tham gia đóng góp Quỹ ủng hộ CBCNV nghèo của Bộ GTVT, Tổng công ty Hàng hải và địa phương phát động; Đóng góp xây dựng Trường Sa ...

- Công ty tiếp tục phụng dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng tại TP. HCM, Bến Tre, Quảng Nam v.v.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trước những khó khăn do suy thoái kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã trình lên Đại hội cổ đông năm 2017 kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2017 và đã được nhất trí thông qua, cụ thể như sau:

+ Tổng doanh thu: 850.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: 51.000.000.000 đồng.

* $Tổng\ doanh\ thu = Doanh\ thu\ kinh\ doanh + Doanh\ thu\ tài\ chính + Thu\ khác$

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được kiểm toán :

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	850.000	897.381	105,6 %
2	Doanh thu kinh doanh	835.000	864.551	103,6 %
3	Lợi nhuận trước thuế	51.000	51.165	100,3 %

- Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh của công ty giữ mức ổn định kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động cho tới nay nhưng trước những nhận định, đánh giá về nền kinh tế của năm 2017 và dự tính cho hoạt động của công ty trong năm 2017 nên Ban điều hành đã đặt kế hoạch cho năm 2017 chỉ xấp xỉ bằng kết quả thực hiện năm 2016.

- Trên thực tế doanh thu thực hiện tăng so với kế hoạch do Công ty đã mở rộng SXKD chủ yếu trong lĩnh vực logistic.

- Doanh thu có tăng so với năm trước nhưng lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh chính không tăng do chi phí đầu vào ngày một tăng, tuy nhiên giá dịch vụ cung cấp của một số khách hàng lớn phải giảm.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như:

+ Linh hoạt trong chính sách đối với khách hàng.

+ Không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng của dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

+ Cắt giảm tối đa chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.

+ Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn, chưa cần thiết.

+ Tăng cường công tác quản trị công ty, đặc biệt là về tài chính và nhân sự.

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

a.1) Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	90.587.739.447	38.015.819	45.299.154.940	5.024.221.496	140.949.131.702
Tăng trong năm	-	-	5.633.543.636	143.904.545	5.777.448.181
Thanh lý	(59.552.185)	-	(5.624.938.874)	(343.933.609)	(6.028.424.668)
Xóa sổ	(78.676.310)	-	-	-	(78.676.310)
Số cuối năm	90.449.510.952	38.015.819	45.307.759.702	4.824.192.432	140.619.478.905
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	44.107.158.176	38.015.819	33.398.631.092	4.522.096.529	82.065.901.616
Khấu hao trong năm	3.768.063.464	-	3.268.338.454	278.523.768	7.314.925.686
Thanh lý	(56.243.752)	-	(5.624.938.874)	(343.933.609)	(6.025.116.235)
Xóa sổ	(78.676.310)	-	-	-	(78.676.310)
Số cuối năm	47.740.301.578	38.015.819	31.042.030.672	4.456.686.688	83.277.034.757
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	46.480.581.271	-	11.900.523.848	502.124.967	58.883.230.086
Số cuối năm	42.709.209.374	-	14.265.729.030	367.505.744	57.342.444.148

a.2) Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	81.243.642.028	1.984.579.300	83.228.221.328
Tăng trong năm		50.000.000	50.000.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(60.896.986.500)	-	(60.896.986.500)
Số cuối năm	20.346.655.528	2.034.579.300	22.381.234.828
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.441.402.223	1.891.535.332	3.332.937.555
Khấu hao trong năm	225.219.012	95.821.746	321.040.758
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(302.877.636)		(302.877.636)
Số cuối năm	1.363.743.599	1.987.357.078	3.351.100.677
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	79.802.239.805	93.043.968	79.895.283.773
Số cuối năm	18.982.911.929	47.222.222	19.030.134.151

(*) Căn cứ quy định tại Điều 4, khoản 2, điểm đ của Thông tư 45/2013/TT-BTC, giá trị tiền thuê đất 50 năm trả 01 lần của lô đất 25 Điện Biên Phủ, TP. Hải Phòng được điều chỉnh hạch toán từ TSCĐ vô hình sang Chi phí trả trước dài hạn.

a.3) Tăng, giảm bất động sản đầu tư: các công trình nhà kho và bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Nguyên giá	
Số đầu năm	74.584.104.356
Số cuối năm	74.584.104.356
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	28.967.422.855
Khấu hao trong năm	4.141.520.530
Số cuối năm	33.108.943.385
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	45.616.681.501
Số cuối năm	41.475.160.971

a.4) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ và BDS đầu tư trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	75.483.217.403	150.363.511	-	-	75.633.580.914

- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
D.thu/ Tổng tài sản BQ	1,37	1,40
D.thu/ Tài sản dài hạn BQ	3,08	3,32
DT/Ng.giá TSCĐ BQ	4,47	4,52
LNST/ Tổng tài sản BQ	0,07	0,07
LNST/ Tài sản dài hạn BQ	0,16	0,17
LNST /Ng.giá TSCĐ BQ	0,23	0,23

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu đối với kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Số dư đầu năm dự phòng phải thu	7.110.960.934	9.040.617.562
Trích lập dự phòng bổ sung	47.996.310	
Hoàn nhập dự phòng		(930.293.783)
Xử lý xóa nợ	(1.348.470.468)	(999.362.845)
Số cuối năm dự phòng phải thu	5.810.486.776	7.110.960.934
Tỷ lệ chi phí dự phòng / Lợi nhuận trước thuế	0,09%	0%
Tỷ lệ nợ khó đòi / Phải thu khách hàng	4,21%	5,20%

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Nợ phải trả, trong đó:	273.037.949.252	267.637.608.532
<i>Nợ ngắn hạn</i>	270.207.742.374	259.166.290.074
<i>Nợ dài hạn</i>	2.830.206.878	8.471.318.458
Vốn chủ sở hữu	372.554.139.804	351.365.676.329
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,35	1,30
Hệ số khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,35	1,30
Hệ số Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	0,73	0,76
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	0,001	0,02

- Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

- Ảnh hưởng chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	17.576.881	0
Tỷ lệ chi phí lãi vay / Lợi nhuận trước thuế	0,03%	0%

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Chênh lệch tỷ giá làm tăng lợi nhuận (A)	2.922.714.925	4.452.650.120
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá</i>	2.922.714.925	3.948.693.475
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>	0	503.956.645
Chênh lệch tỷ giá làm giảm lợi nhuận (B)	1.323.057.087	1.556.726.814
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá</i>	1.270.352.983	1.556.726.814
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>	52.704.104	0
(A) – (B)	1.599.657.838	2.895.923.306
Tỷ lệ CLTG / Lợi nhuận trước thuế	3,13%	5,50%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy quản lý của công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Ngay từ đầu năm, công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của công ty.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Về quản trị công ty:

_ Từng bước tái cơ cấu bộ máy quản trị, chú trọng vào công tác nhân sự và quản lý tài chính để tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

_ Công ty xác định rõ trong tình hình vốn hoạt động còn hạn chế thì nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của công ty nên công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực của mình, đào tạo nên đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tốt và có nhiệt huyết với công ty, xây dựng đội ngũ quản trị có hướng tới quy hoạch và kế thừa cho sự phát triển dài hạn.

_ Tình hình tài chính cũng từng bước cải thiện rõ rệt, công nợ được quản lý và đối chiếu, không còn ý kiến ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán về vấn đề công nợ tiềm tàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty xây dựng Chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:

- Duy trì các dịch vụ hàng hải truyền thống như đại lý tàu rời và tàu liner, cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải liên quan;

- Xây dựng và thực hiện chiến lược về mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động marketing tới các chủ tàu, các chủ hàng lớn; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi, phương tiện xếp dỡ và phương tiện vận tải hiện đại đạt tiêu chuẩn để phát triển chuỗi dịch vụ logistics toàn diện với giá trị gia tăng như dịch vụ đại lý vận tải, kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa v.v để đáp ứng mọi nhu cầu về dịch vụ trọn gói cho khách hàng;

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư liên doanh với các thân chủ lớn, các hãng tàu, các công ty cung cấp dịch vụ logistics lớn trên thế giới để từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, nhất là quản trị tài chính.

4.1. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2018:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	KH 2018	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	128.149.940.000	128.149.940.000	
2	Tổng doanh thu	897.381.375.863	938.200.000.000	104,5
3	Doanh thu kinh doanh	864.551.723.402	870.000.000.000	100,6
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	51.165.420.019	60.000.000.000	117,3
5	Lợi nhuận sau thuế	44.174.208.885	48.000.000.000	108,7
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.130	2.962	
7	Cổ tức (%)	12%	15%	

4.2. Kế hoạch đầu tư năm 2018:

4.2.1 - Các dự án xây dựng đang thực hiện các năm trước chuyển sang năm 2017:

a) Dự án văn phòng VITAMAS:

- Dự án sửa chữa văn phòng VITAMAS đã được đấu thầu rộng rãi trong nước, chọn được nhà thầu xây lắp và khởi công ngày 26/06/2017.

- Tuy nhiên sau khi phá dỡ kết cấu cũ, Ban Quản lý thi công, Đơn vị thi công và Tư vấn giám sát phát hiện hiện trạng kết cấu nhà và thiết kế không phù hợp nên không thể tiếp tục thi công. Công ty đã thuê đơn vị Tư vấn thiết kế điều chỉnh lại thiết kế cho phù hợp với hiện trạng. Hiện nay việc điều chỉnh đã thống nhất được phương án và đang triển khai chi tiết. Dự án dự kiến khởi công lại vào tháng 04/2018.

b) Dự án Văn phòng VOSA Nha Trang:

- Dự án hiện nay đã hoàn thành 98%, VOSA Nha Trang đã bắt đầu làm việc tại văn phòng mới từ 15/01/2018. Đơn vị thi công đang hoàn thiện những công tác cuối cùng để nghiệm thu bàn giao trong tháng 03/2018.

4.2.2 - Các dự án đầu tư, xây dựng mới năm 2018:

TT	Tên dự án	Hạng mục/Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn
VOSA QUẢNG NINH				
1	GPMB diện tích mở rộng sau điều chỉnh QH 2010	1,2 ha	6.500	Chủ sở hữu
2	Cải tạo, sửa chữa mở rộng kho ngoại quan Cái Lân	Cải tạo sửa chữa	2.350	Chủ sở hữu
3	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom KCN Cái Lân, cổng số 2 khu kho bãi, cầu cân 80T và nhà bảo vệ	XD mới 450m hàng rào và các hạng mục khác	1.350	Chủ sở hữu

TT	Tên dự án	Hạng mục/Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn
NORTHFREIGHT				
4	Mua sắm 03 chiếc xe trọng tải 35 tấn; Đầu xe Hyundai 2 cầu HD700; Mooc Jupiter 3 trục	Xe Container	4.500	Chủ sở hữu
5	Mua sắm 03 chiếc xe tải loại: 1.5 tấn, 2.5 tấn và 5 tấn	Xe tải nhỏ	2.000	Chủ sở hữu
6	Sửa chữa nền bãi container và thay tôn nhà kho	Cải tạo sửa chữa	700	Chủ sở hữu
ORIMAS				
7	Sửa chữa văn phòng	Cải tạo sửa chữa	950	Chủ sở hữu
VOSA SÀI GÒN				
8	Sửa chữa kho bãi Đào Trí	Cải tạo sửa chữa kho bãi trên diện tích 10.000 m ²	5.000	Chủ sở hữu
Tổng cộng			23.350	Chủ sở hữu

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Đã báo cáo đánh giá tại điểm 6, Phần II - Tình hình hoạt động trong năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2017 là năm Công ty có nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành dịch vụ hàng hải và logistics ngày càng khốc liệt; tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định, nhất là tình hình hàng hóa biên mậu Việt – Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và phát triển được các dịch vụ, nhất là các dịch vụ đại lý tàu truyền thống, đại lý liner, dịch vụ logistics v.v. đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, hiệu quả cao. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 3.130 đồng/cổ phần.

- Công tác quản lý tài chính chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và tiếp tục hợp tác, liên doanh dài hạn.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, các phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao được người lao động tham gia sôi nổi, nhiệt tình;

- Công tác đối với xã hội và cộng đồng được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động hàng ngày và công tác quản lý nói chung. Ban điều hành đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, cũng như các quy chế nội bộ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty có 04 thành viên trong Ban điều hành nên việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành và Tổng Giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban điều hành cũng thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

- Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý. Ban điều hành đã ban hành các quyết định để thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty.

- Ban Điều hành đã chỉ đạo các phòng ban, chi nhánh chủ động trong công việc, áp dụng các biện pháp hiệu quả để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí v.v.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động và bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong năm 2017.

3. Các Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Năm 2018, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã có sự phục hồi, tuy vậy còn nhiều khó khăn, thách thức dự báo vẫn còn đang ở phía trước.

- Hội đồng quản trị Công ty đã họp Ban điều hành và các cán bộ quản lý, đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng, kế hoạch, nhiệm vụ tổng quát cho năm 2018 như sau:

+ Tiếp tục phát huy lợi thế kinh doanh của VOSA, tăng cường công tác tiếp thị với các chủ tàu, chủ hàng, các công ty đại lý vận tải và cung cấp dịch vụ logistics trong và ngoài nước duy trì và phát triển các dịch vụ truyền thống đã có thương hiệu trong và ngoài nước như: đại lý tàu, đại lý vận tải, dịch vụ liner, phát triển chuỗi dịch vụ logistics trong đại lý vận tải, giao nhận, phân phối, thương mại xuất nhập khẩu v.v. trên cơ sở chiến lược chung và định hướng của Tổng công ty, phát huy lợi thế kinh doanh của từng chi nhánh cũng như phát huy triệt để mạng lưới hoạt động dịch vụ.

+ Phân đầu giữ vững mục tiêu tăng trưởng cả về loại hình dịch vụ, doanh thu và lợi nhuận; có điều chỉnh kịp thời khi có biến động ở thị trường dịch vụ hàng hải và logistics quốc tế và trong nước; bảo toàn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2018.

+ Tiếp tục nghiên cứu đầu tư xây dựng phát triển có chiều sâu với hiệu quả cao nhất: Nghiên cứu các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kho bãi, đầu tư mua sắm phương tiện và trang thiết bị hiện đại v.v... để nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ cho việc phát triển chuỗi dịch vụ logistics; tìm kiếm, mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh với các đối tác nước ngoài để sử dụng tối ưu hệ thống cơ sở vật chất, kho bãi sẵn có; đầu tư mới theo yêu cầu của đối tác nếu mang lại hiệu quả nhanh.

+ Thực hành tiết kiệm, hạn chế mua sắm thiết bị, vật dụng không cần thiết v.v. Tiếp tục phân đầu cắt giảm chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý.

+ Kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty đối với chi nhánh.

+ Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là một chiến lược quan trọng và lâu dài vì vậy Công ty tiếp tục có cơ chế tuyển dụng, quy hoạch và bổ nhiệm những người có bản lĩnh vững vàng, có năng lực đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hoá cán bộ. Tiếp tục hoàn thiện Quy chế trả lương và hệ thống thang, bảng lương mới cho hợp với mục tiêu trên để phát triển nguồn nhân lực cho toàn doanh nghiệp, đảm bảo đời sống của người lao động.

+ Tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017; Hoàn thiện hệ thống các quy chế quản trị nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Thực hiện bầu bổ sung từ 1 đến 2 thành viên độc lập HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo đúng tinh thần công khai, minh bạch, đáp ứng các quy định của nhà nước đối với công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch.

+ Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Thực hiện công bố thông tin chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	0,02	Thành viên Chuyên trách	2
2	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	3
3	Hoàng Hoa Phòng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	1
4	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0
5	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0
6	Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	6,58	Thành viên không điều hành	1
7	Nguyễn Hoài An	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0

b) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ/HĐQT- NK3-THYK	11/01/2017	<p>Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ của Công ty, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ: Tối đa 05% (tương đương 582.500 cổ phần). - Mục đích mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ: Giảm lượng cổ phiếu đang lưu hành, hỗ trợ giao dịch, gia tăng giá trị cho cổ đông. Đồng thời là nguồn cổ phiếu dự trữ để phát hành cổ phiếu theo Chương trình ưu đãi cho CBNV (Chương trình ESOP) trong năm 2017 khi có đủ điều kiện. - Nguồn vốn: Quỹ đầu tư phát triển và/ hoặc Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; Tổng chi phí ước tính (theo giá tham chiếu ngày 30/12/2016): 23.200đ x 582.500cp = 13.514.000.000đ. - Thời gian dự kiến giao dịch: Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận Hồ sơ công ty đăng ký mua lại cổ phiếu và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định. Thời gian giao dịch: Không quá 30 ngày theo quy định. - Phương thức giao dịch: Khớp lệnh hoặc thỏa thuận. - Nguyên tắc xác định giá: Theo quy định tại Thông tư 203/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính và theo Quy chế giao dịch chứng khoán hiện hành của Sở GDCK Hà Nội về giao dịch cổ phiếu quỹ. - Số lượng đặt mua/bán hàng ngày: Theo quy định tại Thông tư 203/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính và theo Quy chế giao dịch chứng khoán hiện hành của Sở GDCK Hà Nội về giao dịch cổ phiếu quỹ. - Giá (khoảng giá): Theo giá giao dịch cổ phiếu VSA trên Sàn GDCK HNX. - Tên công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ: Công ty CP Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
2	02/2017/NQ/HĐQT- NK3-THYK	06/01/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phê chuẩn cho Tổng Giám đốc được đàm phán, ký kết hợp đồng và các văn bản có liên quan với ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hạ Long (BIDV Hạ Long) để thực hiện bảo lãnh tạm nộp thuế khi cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu tạm nhập tái xuất hàng hóa cho khách hàng. Thời hạn hợp đồng bảo lãnh: 01 năm, kể từ ngày 01/01/2017.
3	03/2017/NQ/HĐQT- NK3-THYK	02/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm lại có thời hạn đối với ông Trịnh Vũ Khoa – Phó Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.
4	04/2017/NQ/HĐQT- NK3-THYK	02/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với ông Hoàng Hoa Phòng – Phó Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cho đến khi nghỉ hưu theo chế độ.
5	01/2017/NQ/HĐQT- NK3	30/03/2017	<p>1. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2016 và phương hướng SXKD năm 2017:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Kết quả thực hiện năm 2016: <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kinh doanh Hợp nhất: <ul style="list-style-type: none"> + Tổng doanh thu: 913.633.192.038 đồng. + Doanh thu kinh doanh: 863.511.317.762 đồng. + Tổng lợi nhuận trước thuế: 52.752.985.484 đồng. + Lợi nhuận sau thuế: 44.268.936.398 đồng. + Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 3.461 đồng/cp. * Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ: <ul style="list-style-type: none"> + Tổng doanh thu: 917.175.286.621 đồng. + Doanh thu kinh doanh: 863.320.476.854 đồng. + Tổng lợi nhuận trước thuế: 61.484.109.138 đồng. + Lợi nhuận sau thuế: 53.166.543.402 đồng. + Tổng số lao động đến 31/12/2016: 643 người. * Kế hoạch SXKD năm 2017: <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kinh doanh Hợp nhất:

			<ul style="list-style-type: none"> + Tổng doanh thu: 850.000.000.000 đồng. + Doanh thu kinh doanh: 835.000.000.000 đồng. + Lợi nhuận trước thuế: 51.000.000.000 đồng. - Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ: + Tổng doanh thu: 850.000.000.000 đồng. + Doanh thu kinh doanh: 835.000.000.000 đồng. + Lợi nhuận trước thuế: 51.000.000.000 đồng. + Nộp ngân sách + Tổng số lao động dự kiến đến 31/12/2017: 678 người. _ Lao động quản lý: 05 người. _ Lao động chuyên môn nghiệp vụ: 115 người. _ Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh: 492 người. _ Lao động thừa hành, phục vụ: 66 người. <p>2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty {Tờ trình số 75TT-TGD ngày 15/03/2017 của Tổng Giám đốc Công ty trình HĐQT v/v thông qua báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2016 (BCTC Hợp nhất và BCTC Riêng)}.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao cho Tổng Giám đốc làm việc với Công ty kiểm toán KPMG, hoàn tất Báo cáo kiểm toán để kịp thời công bố thông tin theo đúng quy định. <p>3. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã và đang triển khai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao cho Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện và báo cáo HĐQT cụ thể về: <ul style="list-style-type: none"> + Phương án mua nhà và đất tại số 25 Điện Biên Phủ, TP. Hải Phòng. + Dự án thoái vốn VOSALAND. + Dự án sửa chữa văn phòng Vitamas. + Dự án xây dựng văn phòng VOSA Nha Trang. <p>4. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 87/TT-TGD ngày 23/03/2017 của Tổng Giám đốc Công ty xin ý kiến HĐQT “v/v bổ nhiệm Giám đốc VOSA Sài Gòn”.</p> <p>5. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 96/TT-TGD ngày 28/03/2017 của Tổng Giám đốc Công ty trình HĐQT “v/v phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2016 của Chủ tịch HĐQT & Ban điều hành Công ty”.</p> <p>6. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 vào tháng 05/2017 tại TP. Hồ Chí Minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao cho Tiểu ban tổ chức chuẩn bị hồ sơ, tài liệu Đại hội, trình HĐQT thông qua trước 25/04/2017. <p>7. Về công tác quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác cán bộ quản lý: Giao cho Tổng Giám đốc chuẩn bị Báo cáo về Quy hoạch cán bộ lãnh đạo của các chi nhánh; Rà soát lại nhân sự cần bổ nhiệm/tái bổ nhiệm để HĐQT xem xét, phê duyệt.
6	06/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	24/04/2017	<p>Hội đồng quản trị nhất trí thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thường niên năm 2016. - Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian: 08h00, thứ Sáu, ngày 19/05/2017 (dự kiến ½ ngày). + Địa điểm: phòng họp Classic, Khách sạn Crystal Palace, số C17-1-2 đường Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, TP. HCM. <p>- Các tờ trình ĐHCĐ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2016. 2. Tờ trình về kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2017. 3. Tờ trình về thù lao, tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát thực hiện năm 2016 và Kế hoạch năm 2017. 4. Tờ trình về kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2017. 5. Tờ trình về thông qua Báo cáo Thường niên năm 2016 và Báo cáo Tài chính năm 2016 (đã được kiểm toán).
7	07/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	05/05/2017	<p>Hội đồng quản trị nhất trí thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Kết quả kinh doanh Hợp nhất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu : 850.000.000.000 đồng. - Doanh thu kinh doanh : 835.000.000.000 đồng. - Lợi nhuận trước thuế : 51.000.000.000 đồng.

			<p>* Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu : 850.000.000.000 đồng. - Doanh thu kinh doanh : 835.000.000.000 đồng. - Lợi nhuận trước thuế : 51.000.000.000 đồng. - Nộp ngân sách: Theo quy định của Nhà nước. - Tổng số lao động dự kiến đến 31/12/2017: 678 người. + Lao động quản lý : 05 người. + Lao động chuyên môn nghiệp vụ : 115 người. + Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh : 492 người. + Lao động thừa hành, phục vụ : 66 người.
8	08/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	05/06/2017	<p>Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam, như sau:</p> <p>1. Thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi trả cổ tức : 10% vốn điều lệ. - Số lượng cổ phần phát hành : 1.165.000 cổ phiếu. - Tổng giá trị cổ phần phát hành : 11.650.000.000 đồng. - Phương án xử lý cổ phần nhỏ lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy. - Thời điểm phát hành : Tháng 06 - tháng 07/2017. - Ngày đăng ký cuối cùng : dự kiến 30/06/2017 <p>2. Thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi trả cổ tức : 15% mệnh giá (01 cổ phiếu nhận được 1.500 đồng). - Hình thức chi trả : bằng tiền mặt. - Ngày đăng ký cuối cùng : dự kiến 30/06/2017. - Ngày thanh toán cổ tức : dự kiến 25/07/2017. <p>Điều 2: Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị đã xem xét, xây dựng các tài liệu cần thiết cho việc phát hành, đồng thời thông qua hồ sơ phát hành nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. <p>Điều 3: Ủy quyền cho ông Vũ Xuân Trung – Tổng Giám đốc – thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án trả cổ tức năm 2016 nêu tại nghị quyết này, thay đổi đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn Điều lệ, cổ phần mới theo kết quả thực tế của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm.</p>
9	09/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	05/06/2017	<p>Hội đồng quản trị nhất trí thông qua hệ số khen thưởng cho các thành viên HĐQT, BĐH, BKS và Cán bộ quản lý Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam năm 2016.</p>
10	10/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	16/06/2017	<p>Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc cử các ông, bà có tên dưới đây tham gia vào Hội đồng thành viên của Công ty TNHH NYK AUTO LOGISTICS (Việt Nam), gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ông Vũ Xuân Trung – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty – đại diện 10% vốn góp. 2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty – đại diện 10% vốn góp.
11	11/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	16/06/2017	<p>Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 cho Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam.</p>
12	12/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	16/06/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm lại có thời hạn 03 năm đối với ông Trần Nguyên Sáng – Giám đốc VOSA Nha Trang tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc VOSA Nha Trang.

13	02/2017/NQ/HĐQT-NK3	24/07/2017	<p>1. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện SXKD 06 tháng đầu năm 2017.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư đã và đang triển khai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án thành lập liên doanh với NYK Line (Nhật Bản): Công ty NYK Auto Logistics (Việt Nam). - Dự án xây dựng văn phòng VOSA Nha Trang. - Dự án sửa chữa văn phòng Vitamas. - Dự án thoái vốn VOSALAND: Giao cho Tổng Giám đốc tiếp tục làm việc với tư vấn và báo cáo HĐQT sau khi có kết quả chính thức để HĐQT xem xét và quyết định. <p>4. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 231/TT-TGD ngày 18/07/2017 của Tổng Giám đốc Công ty “xin ý kiến HĐQT về chủ trương bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc”.</p> <p>5. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 232/TT-TGD ngày 18/07/2017 của Tổng Giám đốc Công ty “xin ý kiến HĐQT v/v bổ nhiệm Quyền Giám đốc VOSA Hải Phòng”.</p> <p>6. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 234/TT-TGD ngày 20/07/2017 của Tổng Giám đốc Công ty “v/v bổ nhiệm lại Giám đốc VOSA Bến Thủy”.</p> <p>7. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2017 - 2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao cho Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện và bổ sung các chức danh quy hoạch Giám đốc các chi nhánh, Trường, Phó các ban chuyên môn ... còn thiếu. - Các chức danh Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc: do Chủ tịch HĐQT lập quy hoạch và báo cáo HĐQT tại cuộc họp tới.
14	14/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	25/09/2017	- Bổ nhiệm có thời hạn 01 năm đối với ông Võ Thanh Thủy – Phó Giám đốc VOSA Đà Nẵng giữ chức vụ Quyền Giám đốc VOSA Đà Nẵng
15	15/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	30/10/2017	- Điều chỉnh thông tin cá nhân của ông Võ Thanh Thủy – Q. Giám đốc VOSA Đà Nẵng trong quyết định bổ nhiệm cũng như hồ sơ cá nhân.
16	16/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	08/11/2017	- Bổ nhiệm lại có thời hạn đối với bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Phó Tổng Giám đốc tiếp tục giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.
17	17/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	21/12/2017	- Bổ nhiệm có thời hạn 03 năm đối với ông Nguyễn Đăng Hải – Quyền Giám đốc VOSA Vũng Tàu giữ chức vụ Giám đốc VOSA Vũng Tàu.
18	18/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	21/12/2017	- Bổ nhiệm có thời hạn 01 năm đối với ông Trần Văn Quảng – Phó Giám đốc NorthFreight giữ chức vụ Quyền Giám đốc NorthFreight.
19	19/2017/NQ/HĐQT-NK3-THYK	28/12/2017	- Phê chuẩn cho Tổng Giám đốc được đàm phán, ký kết hợp đồng và các văn bản có liên quan với ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hạ Long (BIDV Hạ Long) để thực hiện bảo lãnh tạm nộp thuế khi cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu tạm nhập tái xuất hàng hóa cho khách hàng. Thời hạn hợp đồng bảo lãnh: 01 năm, kể từ ngày 01/01/2018.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Công ty chưa có thành viên độc lập của HĐQT. HĐQT có dự kiến kế hoạch thực hiện bầu bổ sung từ 1 đến 2 thành viên độc lập của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	
2	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	
3	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT	
4	Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	0	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS	0,0086	
3	Lê Hoàng	Thành viên BKS	0,0043	
4	Vũ Xuân Hưng	Thành viên BKS	0,0009	
5	Đặng Thị Hồng Liên	Thành viên BKS	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động năm 2016 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ; báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch của Công ty;

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT. Ban Kiểm soát đã thu thập thông tin đánh giá công tác quản lý điều hành theo đúng chức năng nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cung cấp, trao đổi thông tin để hiểu rõ những thuận lợi cũng như khó khăn trong công tác tổ chức điều hành, quản lý công ty;

- Một số công việc khác theo quy định.

*** Đánh giá kết quả giám sát tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, lập báo cáo tài chính năm 2017 của công ty:**

- Hoạt động kinh doanh:

+ Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động năm 2017 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

+ Năm 2017, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng thấp hơn dự báo và còn nhiều yếu tố bất ổn. Tuy nhiên với sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Hội đồng quản trị, sự đồng lòng quyết tâm của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục tăng trưởng hoàn thành vượt mức chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao.

*** Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:**

- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2016 (10% bằng cổ phiếu và 15% bằng tiền mặt) cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2017; phân bổ các quỹ theo đúng Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 là Công ty TNHH KPMG.

*** Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017:**

- Trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất và các Báo cáo tài chính do Ban điều hành Công ty lập, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG. Ban Kiểm soát đã xem xét thẩm định và có ý kiến thống nhất với ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH KPMG là “Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

*** Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty:**

- Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Năm 2017, HĐQT đã thực hiện 02 lần họp và 17 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết liên quan đến công tác SXKD, tổ chức nhân sự, đầu tư, v.v... Các thành viên HĐQT đã thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy định của Công ty. HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thống nhất kịp thời chỉ đạo Công ty hoàn thành các nội dung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017 và HĐQT cũng đã kịp thời chỉ đạo Ban điều hành Công ty tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán với các đơn vị hạch toán phụ thuộc còn tồn tại yếu kém, tuân thủ các quy định của Pháp luật;

+ Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban điều hành Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đánh giá chung: HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao.

- Hoạt động của Ban điều hành:

+ Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Ban điều hành Công ty trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty, chủ động tích cực ứng phó nhanh chóng kịp thời với những biến động của thị trường dịch vụ hàng hải trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và lĩnh vực hàng hải trong nước và thế giới để hoàn thành nhiệm vụ được ĐHCĐ giao và thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

+ Trong năm qua Ban kiểm soát cũng không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

+ Đánh giá chung: Ban Điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà ĐHCĐ và HĐQT giao.

*** Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018:**

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính cần trọng, trung thực trong các báo cáo của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tài chính kế toán;

- Phối hợp cùng các Ban chuyên môn và Công ty kiểm toán độc lập để giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, công nợ của các chi nhánh theo điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và các quy định của Nhà nước. Thực hiện kiểm tra Báo cáo tài chính một số chi nhánh.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện công tác giám sát quản trị và điều hành của Công ty đồng thời đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị thực hiện chi tiền thưởng và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua ngày 19/05/2017.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017
1	Thù lao HĐQT và BKS	1.164.000.000
2	Tiền thưởng HĐQT, BKS và BDH	788.212.884
	Cộng	1.952.212.884

Ghi chú: Tiền thưởng năm 2017, dự kiến chi trong năm 2018.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Luật chứng khoán, Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thực hiện tốt các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan trong năm 2017, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN và cổ đông.

*** Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty:**

- Việc tổ chức Đại hội cổ đông còn chậm trễ, chưa đúng thời hạn quy định, Công ty sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn quy định này.

VII. Báo cáo tài chính:

- Đề nghị xem toàn bộ Báo cáo tài chính đính kèm.

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**



[Handwritten signature]

Vũ Xuân Trung



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-319H



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		365.605.948.717	336.789.750.016
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	155.122.488.924	133.564.375.448
Tiền	111		113.122.202.480	90.464.375.448
Các khoản tương đương tiền	112		42.000.286.444	43.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.500.500.000	30.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	31.500.500.000	30.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167.333.875.189	163.268.378.444
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	139.598.389.781	140.149.021.418
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.907.161.629	2.326.263.560
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	29.638.810.555	27.904.054.400
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(5.810.486.776)	(7.110.960.934)
Hàng tồn kho	140		877.500	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.648.207.104	9.956.996.124
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		311.393.335	746.701.605
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.924.675.012	8.758.303.474
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	412.138.757	451.991.045

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		279.986.140.339	282.213.534.845
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.961.498.470	8.410.338.470
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	8.961.498.470	8.410.338.470
Tài sản cố định	220		76.372.578.299	138.778.513.859
Tài sản cố định hữu hình	221	9	57.342.444.148	58.883.230.086
Nguyên giá	222		140.619.478.905	140.949.131.702
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.277.034.757)	(82.065.901.616)
Tài sản cố định vô hình	227	10	19.030.134.151	79.895.283.773
Nguyên giá	228		22.381.234.828	83.228.221.328
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.351.100.677)	(3.332.937.555)
Bất động sản đầu tư	230	11	41.475.160.971	45.616.681.501
Nguyên giá	231		74.584.104.356	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(33.108.943.385)	(28.967.422.855)
Tài sản dở dang dài hạn	240		75.633.580.914	75.483.217.403
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	75.633.580.914	75.483.217.403
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	15.717.542.263	12.008.727.010
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		4.113.075.780	414.395.004
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.604.466.483	11.594.332.006
Tài sản dài hạn khác	260		61.825.779.422	1.916.056.602
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	61.825.779.422	1.916.056.602
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		645.592.089.056	619.003.284.861

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN


(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		273.037.949.252	267.637.608.532
Nợ ngắn hạn	310		270.207.742.374	259.166.290.074
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	109.390.961.993	87.912.963.769
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.709.356.891	10.427.135.577
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	11.181.410.117	12.987.341.304
Phải trả người lao động	314		24.051.172.365	37.132.033.324
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.653.690.807	20.037.665.286
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		181.818.182	363.483.182
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	104.498.410.382	81.846.181.306
Vay ngắn hạn	320	18(a)	96.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	7.444.921.637	8.459.486.326
Nợ dài hạn	330		2.830.206.878	8.471.318.458
Chi phí phải trả dài hạn	333		500.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	1.729.551.434	733.770.150
Vay dài hạn	338	18(b)	344.000.000	6.591.420.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		256.655.444	646.128.308
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		372.554.139.804	351.365.676.329
Vốn chủ sở hữu	410	19	372.554.139.804	351.365.676.329
Vốn cổ phần	411	20	128.149.940.000	116.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.149.940.000	116.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22(a)	106.923.530.597	91.269.882.762
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22(b)	13.661.445.019	12.921.703.776
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.444.363.552	84.871.309.198
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		33.842.234.710	40.146.601.097
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		44.602.128.842	44.724.708.101
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		45.374.860.636	45.802.780.593
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		645.592.089.056	619.003.284.861

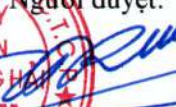
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

 Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

 Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán



Người duyệt:

 Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	864.551.723.402	863.511.317.762
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	772.792.207.106	772.160.237.916
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		91.759.516.296	91.351.079.846
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	25.040.434.506	27.428.250.051
Chi phí tài chính	22	27	1.344.131.721	1.557.016.549
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.576.881	-
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(432.870.206)	(4.698.039.038)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	70.270.740.675	81.560.648.441
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		44.752.208.200	30.963.625.869
Thu nhập khác	31	29	7.789.217.955	22.693.624.225
Chi phí khác	32	30	1.376.006.136	904.264.610
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.413.211.819	21.789.359.615
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		51.165.420.019	52.752.985.484
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	7.380.683.998	7.837.920.778
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(389.472.864)	646.128.308
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		44.174.208.885	44.268.936.398

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		44.174.208.885	44.268.936.398
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44.602.128.842	44.724.708.101
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(427.919.957)	(455.771.703)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.130	3,073

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		51.165.420.019	52.752.985.484
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		11.777.486.974	12.422.521.653
Các khoản dự phòng	03		47.996.310	(930.293.783)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		52.704.104	(503.956.645)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(22.709.825.754)	(17.637.138.119)
Chi phí lãi vay	06		17.576.881	-
Xóa sổ khoản vay dài hạn	07		(6.591.420.000)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		33.759.938.534	46.104.118.590
Biến động các khoản phải thu	09		(7.035.635.078)	(26.813.149.265)
Biến động hàng tồn kho	10		(877.500)	175.500
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		11.678.805.414	6.492.387.411
Biến động chi phí trả trước	12		1.119.694.314	350.741.538
			39.521.925.684	26.134.273.774
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.576.881)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.356.910.868)	(9.635.385.088)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	26.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.961.506.309)	(5.461.992.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.185.931.626	11.062.895.963

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN/HN


(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.977.811.692)	(67.244.815.123)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.028.284.812	25.500.000
Tiền (chi)/thu từ các khoản đầu tư ngắn hạn	23		(1.500.500.000)	7.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(4.458.000.000)	-
Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.722.715.558	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		21.389.287.064	36.761.232.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.203.975.742	(23.458.082.194)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.601.969.194	2.333.081.633
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.161.969.194)	(9.333.081.633)
Tiền trả cổ tức	36		(17.161.548.990)	(31.455.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.721.548.990)	(38.455.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		21.668.358.378	(50.850.186.231)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		133.564.375.448	184.135.373.810
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(110.244.902)	279.187.869
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	155.122.488.924	133.564.375.448

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp


 Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



 Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Đại lý hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm công ty”) và các lợi ích của Nhóm công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là: đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; vận tải container bằng đường bộ; cho thuê văn phòng; dịch vụ cung ứng tàu biển; xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; bốc xếp hàng hóa; đại lý ký gửi hàng; vận tải đa phương quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistic; mua bán, cho thuê và sửa chữa container; kinh doanh vận tải biển; kinh doanh kho bãi; kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm công ty có một công ty con (1/1/2017: một công ty con) – Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm công ty có một công ty liên kết (1/1/2017: một công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm công ty có 619 nhân viên (1/1/2017: 636 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Nhóm công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 44 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 11 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(k) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp thuận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm công ty cho rằng Nhóm công ty hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam và hoạt động kinh doanh chủ yếu là cung cấp dịch vụ hàng hải và dịch vụ có liên quan.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.286.157.891	2.302.530.267
Tiền gửi ngân hàng	110.836.044.589	88.161.845.181
Các khoản tương đương tiền	42.000.286.444	43.100.000.000
	<hr/>	<hr/>
	155.122.488.924	133.564.375.448
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	31.500.500.000	31.500.500.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	<hr/>			

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017				1/1/2017			
	Số lượng	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty liên kết								
• Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) (i)		20%	4.113.075.780	-	-	-	-	-
• Công ty TNHH China Shipping Việt Nam (ii)		-	-	-	40%	414.395.004	-	-
			4.113.075.780	-		414.395.004	-	-
▪ Đơn vị khác								
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (iii)	913.390		7.400.160.000	-	913.390		7.400.160.000	-
• Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam	200.000		2.020.000.000	-	200.000		2.020.000.000	-
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000		500.000.000	-	50.000		500.000.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (iv)		51%	1.072.836.000	-		51%	1.072.836.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam		1%	63.746.040	-		1%	63.746.040	-
• Công ty liên doanh Bông Sen		0,27%	547.724.443	-		0,27%	537.589.966	-
			11.604.466.483	-			11.594.332.006	-
			15.717.542.263	-			12.008.727.010	-

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314465616 ngày 16 tháng 6 năm 2017, Công ty là nhà đầu tư sở hữu 20% vốn điều lệ trong Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Nhà đầu tư sở hữu 80% vốn điều lệ còn lại là Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line). Tại ngày 6 tháng 7 năm 2017, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ 200.000 USD (tương đương 4.458.770.000 VND) vào Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) và ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết này.
- (ii) Công ty TNHH China Shipping Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 15 năm kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000393 ngày 25 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 2411/GP ngày 11 tháng 8 năm 2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép đầu tư điều chỉnh. Các chủ sở hữu của công ty là China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Theo Nghị quyết số 09/2016/NQ/HĐQT-NK3-TYHK ngày 4 tháng 7 năm 2016, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã quyết định chấm dứt hợp đồng liên doanh với China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam. Công ty liên kết này đã hoàn tất các thủ tục giải thể trong năm.
- (iii) Công ty là cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“MSB”) vào năm 1991. Số cổ phiếu Công ty sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.
- (iv) Theo hợp đồng liên doanh, Công ty không tham gia quản lý và điều hành công ty liên doanh. Ban Giám đốc đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên doanh. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại là đầu tư vốn vào đơn vị khác.

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	414.395.004	9.474.396.147
Tăng đầu tư trong năm	4.458.000.000	-
Phần lỗ trong công ty liên kết	(432.870.206)	(4.698.039.038)
Cổ tức đã nhận trong năm	-	(3.925.765.895)
Hoàn nhập việc trích quỹ/trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong công ty liên kết	436.196.210	(436.196.210)
Xóa sổ công ty liên kết	(762.645.228)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.113.075.780	414.395.004

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	17.906.596.882	18.018.857.152
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	16.576.621.043	17.590.068.254
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	5.103.478.450	13.838.401.465
Các khách hàng khác	100.011.693.406	90.701.694.547
	<hr/>	<hr/>
	139.598.389.781	140.149.021.418
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	139.598.389.781	140.149.021.418
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	74.468.975	72.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	72.308.130	36.280.496
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	7.408.500	-
	<hr/>	<hr/>
	279.596.288	234.291.179
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

7. Các khoản phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	14.277.091.065	11.986.296.824
Tạm ứng nhân viên	7.478.768.060	7.811.974.473
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.207.345.000	1.137.745.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.020.288.889	1.265.307.777
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.512.000	22.248.396
Phải thu khác	5.653.805.541	5.680.481.930
	<hr/>	<hr/>
	29.638.810.555	27.904.054.400
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	8.961.498.470	8.410.338.470
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2017			1/1/2017			Giá trị có thể thu hồi VND	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Nợ quá hạn								
Daiichi Chuo Marine Co., Ltd. Công ty Cổ phần	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-
Vinalines Nha Trang	Trên 3 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341	Từ 2 – 3 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341
Khách hàng khác	Trên 3 năm	158.690.390	158.690.390	-	Trên 3 năm	1.472.359.957	1.472.359.957	-
Khách hàng khác	Từ 2 – 3 năm	18.850.584	13.195.409	5.655.175	Từ 2 – 3 năm	-	-	-
Khách hàng khác	Từ 1 – 2 năm	-	-	-	Từ 1 – 2 năm	51.773.225	-	51.773.225
Khách hàng khác	Dưới 1 năm	-	-	-	Dưới 1 năm	61.696.498	-	61.696.498
		<u>5.878.847.292</u>	<u>5.810.486.776</u>	<u>68.360.516</u>		<u>7.287.135.998</u>	<u>7.110.960.934</u>	<u>176.175.064</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

5.810.486.776

7.110.960.934

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	90.587.739.447	38.015.819	45.299.154.940	5.024.221.496	140.949.131.702
Tăng trong năm	-	-	5.633.543.636	143.904.545	5.777.448.181
Thanh lý	(59.552.185)	-	(5.624.938.874)	(343.933.609)	(6.028.424.668)
Xóa sổ	(78.676.310)	-	-	-	(78.676.310)
Số dư cuối năm	90.449.510.952	38.015.819	45.307.759.702	4.824.192.432	140.619.478.905
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	44.107.158.176	38.015.819	33.398.631.092	4.522.096.529	82.065.901.616
Khấu hao trong năm	3.768.063.464	-	3.268.338.454	278.523.768	7.314.925.686
Thanh lý	(56.243.752)	-	(5.624.938.874)	(343.933.609)	(6.025.116.235)
Xóa sổ	(78.676.310)	-	-	-	(78.676.310)
Số dư cuối năm	47.740.301.578	38.015.819	31.042.030.672	4.456.686.688	83.277.034.757
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	46.480.581.271	-	11.900.523.848	502.124.967	58.883.230.086
Số dư cuối năm	42.709.209.374	-	14.265.729.030	367.505.744	57.342.444.148

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 39.428.089.959 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 39.772.627.046 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 710.129.219 VND (1/1/2017: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm Công ty (thuyết minh 18(b)).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	81.243.642.028	1.984.579.300	83.228.221.328
Tăng trong năm	-	50.000.000	50.000.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(60.896.986.500)	-	(60.896.986.500)
Số dư cuối năm	20.346.655.528	2.034.579.300	22.381.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.441.402.223	1.891.535.332	3.332.937.555
Khấu hao trong năm	225.219.012	95.821.746	321.040.758
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(302.877.636)	-	(302.877.636)
Số dư cuối năm	1.363.743.599	1.987.357.078	3.351.100.677
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	79.802.239.805	93.043.968	79.895.283.773
Số dư cuối năm	18.982.911.929	47.222.222	19.030.134.151

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.984.579.300 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 123.700.000 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	28.967.422.855
Khấu hao trong năm	4.141.520.530
Số dư cuối năm	33.108.943.385
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	45.616.681.501
Số dư cuối năm	41.475.160.971

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản có nguyên giá 459.667.090 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm công ty không thể thực hiện việc định giá và không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản tương đồng và tương tự vị trí với các bất động sản đầu tư của Nhóm công ty.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	75.483.217.403	75.533.676.718
Tăng trong năm	150.363.511	66.822.762.914
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(5.559.045.182)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(60.575.527.000)
Xóa sổ	-	(665.922.774)
Giảm khác	-	(72.727.273)
Số dư cuối năm	75.633.580.914	75.483.217.403

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản tại lô đất số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	75.155.431.216	75.155.431.216
Dự án nhà văn phòng Vitamas	313.164.278	221.141.551
Dự án nhà văn phòng VOSA Nha Trang	124.985.420	106.644.636
Dự án khác	40.000.000	-
	75.633.580.914	75.483.217.403

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.552.861.909	127.430.557	235.764.136	1.916.056.602
Tăng trong năm	-	44.577.273	912.861.391	957.438.664
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	60.594.108.864	-	-	60.594.108.864
Phân bổ trong năm	(1.332.244.208)	(84.027.622)	(225.552.878)	(1.641.824.708)
Số dư cuối năm	60.814.726.565	87.980.208	923.072.649	61.825.779.422

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	8.305.949.527	8.305.949.527	8.943.257.555	8.943.257.555
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	7.637.542.109	7.637.542.109	5.712.068.621	5.712.068.621
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	1.886.122.864	1.886.122.864	3.135.387.659	3.135.387.659
Các nhà cung cấp khác	91.561.347.493	91.561.347.493	70.122.249.934	70.122.249.934
	109.390.961.993	109.390.961.993	87.912.963.769	87.912.963.769

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	109.390.961.993	109.390.961.993	87.912.963.769	87.912.963.769

(c) Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty mẹ				
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	-	242.027.387	242.027.387
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ				
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.770.989.633	1.770.989.633	2.605.917.778	2.605.917.778
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	394.102.657	394.102.657	280.227.018	280.227.018
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	338.894.559	338.894.559	259.268.050	259.268.050
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	61.203.354	61.203.354	21.428.736	21.428.736
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	21.175.000	21.175.000	-	-
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	-	144.000.000	144.000.000
	2.586.365.203	2.586.365.203	3.552.868.969	3.552.868.969

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã căn trừ/ chuyển đi trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	692.781.618	76.436.478.635	(14.069.874.332)	(62.603.163.985)	456.221.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.380.683.998	(6.356.910.868)	(391.169.348)	632.603.782
Thuế thu nhập cá nhân	376.824.969	3.408.125.432	(3.369.435.384)	(5.519.193)	409.995.824
Thuế nhà đất	-	143.567.035	(143.567.035)	-	-
Tiền thuê đất	2.398.224.792	2.840.565.902	(4.449.262.155)	356.836.253	1.146.364.792
Các loại thuế khác	9.198.050.425	36.465.114.457	(37.126.941.099)	-	8.536.223.783
Các khoản phải nộp khác					
Các khoản phụ thu	-	416.212.149	(416.212.149)	-	-
Phí, lệ phí	321.459.500	845.455	(322.304.955)	-	-
	12.987.341.304	127.091.593.063	(66.254.507.977)	(62.643.016.273)	11.181.410.117

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã căn trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	408.989.603	-	(391.169.348)	17.820.255
Thuế thu nhập cá nhân	43.001.442	-	(5.519.193)	37.482.249
Tiền thuê đất	-	356.836.253	-	356.836.253
	451.991.045	356.836.253	(396.688.541)	412.138.757

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	73.717.585.961	60.342.573.056
Ký ngân của các hãng tàu	17.773.263.556	10.506.344.110
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.819.982.731	5.042.283.958
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
Kinh phí công đoàn	1.378.837.956	1.546.704.626
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	519.175.835	205.724.825
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	20.210.492	21.916.080
Phải trả khác	531.966.411	443.247.211
	<hr/>	<hr/>
	104.498.410.382	81.846.181.306
	<hr/>	<hr/>

Phải trả khác cho các bên liên quan:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ		
Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	589.302.499	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	200.093.873	-
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	1.698.763.838	694.763.838
Nhận tiền ký quỹ cho thuê văn phòng tại Ocean Park từ Europac Shipping	30.787.596	39.006.312
	<hr/>	<hr/>
	1.729.551.434	733.770.150
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.459.486.326	6.700.125.785
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (thuyết minh 19)	5.344.941.620	5.505.204.264
Sử dụng trong năm	(6.359.506.309)	(3.745.843.723)
	7.444.921.637	8.459.486.326

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 19 tháng 5 năm 2017 đã quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5.344.941.620 VND (2016: 5.505.204.264 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay cán bộ công nhân viên (*)	-	-	2.121.969.194	(2.121.969.194)	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 18 (b))	-	-	96.000.000	-	96.000.000	96.000.000
	-	-	2.217.969.194	(2.121.969.194)	96.000.000	96.000.000

(*) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (NorthFreight) theo Quyết định số 48/QĐ-NF ngày 31 tháng 3 năm 2017 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại chi nhánh. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2017 và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (i)	VND	8.86%	2022	440.000.000	-
Vay từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) (ii)	CNY	Không	2023	-	6.591.420.000
				440.000.000	6.591.420.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 18 (a))				(96.000.000)	-
				344.000.000	6.591.420.000

- (i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số ATLS17/DLHH/TOY với hạn mức vay là 480.000.000 VND. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, lãi suất 8.68%/năm. Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 710.129.219 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: không) (thuyết minh 9).
- (ii) Khoản vay dài hạn 1.980.000 CNY tương đương 6.739.200.000 VND từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) theo Hợp đồng số 1/LC-HK ngày 10 tháng 4 năm 1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi. Trong năm 2017, Công ty đã kết chuyển khoản vay này vào thu nhập khác theo thỏa thuận xóa nợ của Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	116.500.000.000	74.261.208.991	12.734.417.453	87.854.561.665	46.258.552.296	337.608.740.405
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	44.724.708.101	(455.771.703)	44.268.936.398
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	17.008.673.771	1.457.886.323	(18.466.560.094)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.505.204.264)	-	(5.505.204.264)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(23.300.000.000)	-	(23.300.000.000)
Trích lập các quỹ của công ty liên kết	-	-	-	(436.196.210)	-	(436.196.210)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.270.600.000)	-	-	(1.270.600.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	116.500.000.000	91.269.882.762	12.921.703.776	84.871.309.198	45.802.780.593	351.365.676.329
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	44.602.128.842	(427.919.957)	44.174.208.885
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	15.653.647.835	1.341.741.243	(16.995.389.078)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.344.941.620)	-	(5.344.941.620)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(17.475.000.000)	-	(17.475.000.000)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu (thuyết minh 21)	11.649.940.000	-	-	(11.649.940.000)	-	-
Trích lập các quỹ của công ty liên kết	-	-	-	436.196.210	-	436.196.210
Sử dụng các quỹ	-	-	(602.000.000)	-	-	(602.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	128.149.940.000	106.923.530.597	13.661.445.019	78.444.363.552	45.374.860.636	372.554.139.804

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	12.814.994	128.149.940.000	11.650.000	116.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	12.814.994	128.149.940.000	11.650.000	116.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định phân phối khoản cổ tức 17.475.000.000 VND (1.500 VND trên một cổ phiếu) (2016: 23.300.000.000 VND (2.000 VND trên một cổ phiếu)).

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 11.650.000.000 VND bằng việc phát hành thêm 10% số cổ phiếu hiện hành (tương đương 1.165.000 cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu. Theo kết quả thực tế phát hành, số lượng cổ phiếu phổ thông và vốn cổ phần của Công ty tăng lên lần lượt là 1.164.994 cổ phiếu và 11.649.940.000 VND tại ngày 3 tháng 7 năm 2017. Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết 1.164.994 cổ phiếu phổ thông mới trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và tăng vốn cổ phần lên 128.149.940.000 VND trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

22. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ 11.650.000.000 VND (1/1/2017: 11.650.000.000 VND) và quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh 2.011.445.019 VND (1/1/2017: 1.271.703.776 VND).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.396.053	54.306.540.960	2.149.630	48.796.608.377
		<hr/>		<hr/>

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	5.677.013.115	5.535.968.462
Từ hai đến năm năm	13.711.023.967	10.404.990.061
Sau năm năm	42.764.648.534	60.875.463.353
	<hr/>	<hr/>
	62.152.685.616	76.816.421.876
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	14.296.151.471	1.547.318.182
Doanh thu đại lý vận tải	524.911.764.004	509.272.511.412
Doanh thu cho thuê kho bãi	111.104.366.784	97.921.325.673
Doanh thu đại lý tàu rời	60.871.607.491	55.727.399.056
Doanh thu cho thuê phương tiện	50.594.623.204	55.130.683.840
Doanh thu đại lý liner	25.800.528.011	22.675.745.168
Doanh thu dịch vụ tàu	22.809.668.421	52.862.826.330
Doanh thu kiểm kiện	20.063.627.194	19.590.875.825
Doanh thu kho ngoại quan	619.131.055	10.344.124.934
Doanh thu tạm nhập tái xuất	-	14.726.968.107
Doanh thu dịch vụ khác	33.480.255.767	23.711.539.235
	864.551.723.402	863.511.317.762

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017	2016
	VND	VND
Hàng hóa đã bán	9.473.732.144	648.644.975
Chi phí nhân công	72.227.407.938	74.544.064.834
Chi phí khấu hao	8.902.729.961	9.422.458.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	652.142.339.111	660.440.458.922
Chi phí khác	30.045.997.952	27.104.610.296
	772.792.207.106	772.160.237.916

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	16.635.687.013	17.072.223.189
Lãi tiền gửi	4.518.715.640	5.903.376.742
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	963.316.928	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.922.714.925	3.948.693.475
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	-	503.956.645
	25.040.434.506	27.428.250.051
	25.040.434.506	27.428.250.051

27. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.270.352.983	1.556.726.814
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	52.704.104	-
Chi phí lãi vay	17.576.881	-
Chi phí tài chính khác	3.497.753	289.735
	1.344.131.721	1.557.016.549
	1.344.131.721	1.557.016.549

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	29.045.113.678	40.708.703.593
Chi phí khấu hao	2.874.757.013	3.000.062.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.947.564.786	25.781.921.618
Chi phí khác	13.403.305.198	12.069.960.466
	70.270.740.675	81.560.648.441
	70.270.740.675	81.560.648.441

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Xóa sổ khoản vay dài hạn (thuyết minh 18(b))	6.591.420.000	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.024.976.379	25.500.000
Tiền đền bù từ Công ty Cổ phần An Phú (*)	-	22.000.000.000
Xóa sổ các khoản nợ phải trả không xác định đối tượng	-	611.551.880
Các khoản khác	172.821.576	56.572.345
	<hr/> 7.789.217.955	<hr/> 22.693.624.225

(*) Theo Biên bản thỏa thuận số 54/2016/BBTT-PL ngày 4 tháng 4 năm 2016, Công ty Cổ phần An Phú đã chuyển khoản tạm ứng 22.000.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhằm đền bù, hỗ trợ cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) (“VOSA Sài Gòn”) di dời khỏi văn phòng thuê tại số 3-5-7-11 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần An Phú sẽ thay thế VOSA Sài Gòn trong việc quản lý, sử dụng văn phòng thuê này. VOSA Sài Gòn đã bàn giao toàn bộ văn phòng thuê cho Công ty Cổ phần An Phú vào ngày 1 tháng 8 năm 2016 theo Biên bản bàn giao nhà số 015/BBKT-AP.

30. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Các khoản bị phạt	1.306.740.976	233.727.184
Các khoản khác	69.265.160	670.537.426
	<hr/> 1.376.006.136	<hr/> 904.264.610

31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	9.473.732.144	648.644.975
Chi phí nhân công	101.272.521.616	115.252.768.427
Chi phí khấu hao	11.777.486.974	12.422.521.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	677.089.903.897	686.366.380.540
Chi phí khác	43.449.303.150	39.030.570.762
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	7.380.683.998	7.837.920.778
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	162.746.691	646.128.308
Ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(552.219.555)	-
	(389.472.864)	646.128.308
Chi phí thuế thu nhập	6.991.211.134	8.484.049.086

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51.165.420.019	52.752.985.484
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.233.084.003	10.550.597.096
Ảnh hưởng của phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	86.574.041	939.607.808
Ảnh hưởng của việc xóa sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết	69.650.046	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	468.340.231	264.068.450
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả)/Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(401.223.353)	143.502.545
Thu nhập không bị tính thuế	(3.465.213.834)	(3.413.726.813)
	6.991.211.134	8.484.049.086

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2016: 20%).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ theo kế hoạch vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 4.488.000.000 VND (2016: 5.344.941.620 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 12.814.994 cổ phiếu (2016: 12.814.994 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	44.602.128.842	44.724.708.101
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (kế hoạch)	(4.488.000.000)	(5.344.941.620)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	40.114.128.842	39.379.766.481

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	11.650.000	11.650.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm (thuyết minh 21)	1.164.994	1.164.994
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12	12.814.994	12.814.994

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (Cổ phiếu)	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	11.650.000	3.461
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm (thuyết minh 21)	1.164.994	(388)
	<hr/>	<hr/>
Số đã điều chỉnh lại	12.814.994	3.073

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Nhóm công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Cổ tức phải chia	8.921.700.000	16.059.060.000
Cổ tức đã trả	4.500.000.000	16.059.060.000
Chi phí thuê văn phòng	1.217.081.633	929.053.333
Tiền điện phải trả	30.372.611	25.402.292
Chi phí dịch vụ phải trả	679.591.114	622.188.387
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)		
Góp vốn	4.458.000.000	-
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Cổ tức được chia	-	3.925.765.895
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	153.714.040
Chi phí dịch vụ phải trả	-	6.762.920
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam		
Cổ tức được chia	35.000.000	30.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.639.893	38.287.039
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	66.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng		
Chi phí dịch vụ phải trả	322.255.870	838.784.376
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	162.795.000	
Chi phí dịch vụ phải trả	3.587.603.996	3.383.830.020

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân Doanh thu cung cấp dịch vụ	546.973.198	94.466.520
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	22.357.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	112.578.921
Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam Chi phí dịch vụ phải trả	12.727.273	-
Công ty Vận tải biển Container Vinalines Doanh thu cung cấp dịch vụ Chi phí dịch vụ phải trả	- 19.220.044	220.122.000 -
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh Chi phí dịch vụ phải trả	51.457.603	11.731.115
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Chi phí dịch vụ phải trả	834.812.326	-
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ Chi phí dịch vụ phải trả	143.448.440	270.165.314
Công ty Vận tải biển Vinalines Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	14.545.455
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chi phí dịch vụ phải trả	210.002.336	-
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.022.500	3.513.400
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương	4.725.984.657	5.190.702.424
Phụ cấp	567.400.000	871.391.714
Thưởng	651.788.307	476.981.067



Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	11.649.940.000	-
Nguyên giá của tài sản cố định và tài sản dài hạn khác đã mua nhưng chưa thanh toán	-	321.459.500
Lợi nhuận được chia vốn hóa vào giá gốc khoản đầu tư	10.134.477	4.542.643

36. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam

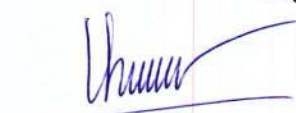
Theo Nghị quyết số 02/2018/HĐQT-NK3-THYK ngày 12 tháng 2 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án thoái 51,5% vốn cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam bằng phương thức đấu giá cổ phần công khai theo lộ trình thông qua tổ chức tài chính trung gian trong Quý 1 và 2 năm 2018.


37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Nguyễn Lương Huy
Kế toán tổng hợp


Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

